

Số: 01/2020/QĐST – DS

Cần Thơ, ngày 17 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 02 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 43/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn: Ông Võ Minh H, sinh năm: 1979

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ.

*Bị đơn: Ông Võ Ngọc A, sinh năm: 1974

Địa chỉ thường trú: ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ. Nơi ở hiện nay: thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Ngọc L1, sinh năm: 1952

2. Võ Bích N, sinh năm: 1978

3. Võ Thanh P, sinh năm: 1979

Cùng trú tại: phường P, quận Cái Răng, Tp Cần Thơ. Bà L1, ông P và bà N là những người thừa kế của ông Võ Văn X (chết năm 2009, ông X là con của ông Võ Văn Minh và bà Trần Thị N1)

4. Bà Võ Thị Kim L2, sinh năm: 1982

5. Bà Võ Thị Kim L3, sinh năm: 1990

Địa chỉ: 91, ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ. Bà L2 và bà L3 là người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Minh N4 (chết năm 1999, ông N4 là con của ông Võ Văn M và bà Trần Thị N1).

6. Bà Võ Thị N3, sinh năm 1955

Địa chỉ: Tp Cần Thơ

7. Bà Võ Thị C, sinh năm 1967

Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ông Võ Đức T, sinh năm: 1972

Địa chỉ: Tp Cần Thơ.

9. Ông Võ Văn V, sinh năm: 1962

Địa chỉ:, CA 94089, USA.

10. Ông Võ Thanh H1, sinh năm: 1968

Địa chỉ: CA 95123, USA

11. Ông Võ Thành P, sinh năm: 1966

Địa chỉ:, Tp Cần Thơ.

12. Ông Võ Hoàng L4, sinh năm: 1970

Địa chỉ: tỉnh Vĩnh Long.

13. Bà Trần Thị N1 (đã chết năm 2017)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ L3 quan thống nhất số tiền bồi hoàn thu hồi đất 2.495.252.404 đồng (gồm gốc và lãi tính đến ngày 25/12/2018 theo công văn số 113/2018/EIBPD-CV ngày 25/12/2018 của Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam-Chi nhánh Cần Thơ, phòng giao dịch Phong Điền thông tin) hiện do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P giữ giữ tại sổ tiết kiệm số 100364849416147 mang tên Trần Thị Lan H là di sản thừa kế của ông Võ Văn M.

2.2 Các đương sự thống nhất như sau:

2.2.1 Số tiền trên chia đều 12 phần thừa kế, mỗi phần là 207.937.700 đồng. Gồm những người sau:

(1) Bà Đỗ Ngọc L1, bà Võ Bích N, ông Võ Thanh P: là những người thừa kế phần thừa kế của ông Võ Văn Xinh được hưởng di sản của ông Võ Văn M.

(2) Bà Võ Thị Kim L2 và bà Võ Thị Kim L3: là những người thừa kế thế vị của ông Võ Minh N4 được hưởng di sản của ông Võ Văn M.

(3) Võ Thị N3,

(4) Bà Võ Thị C,

(5) Ông Võ Đức T,

- (6) Ông Võ Văn V,
- (7) Ông Võ Thanh H1,
- (8) Ông Võ Thành P,
- (9) Ông Võ Hoàng L4,
- (10) Ông Võ Minh H,
- (11) Ông Võ Ngọc A,
- (12) Bà Trần Thị N1.

2.2.2 Phần của bà N1 chia cho ông H 50% là 103.968.850 đồng; 50% còn lại tiếp tục chia cho 11 người con, mỗi người được 9.451.713 đồng. Phần ông H được hưởng là 207.937.700 đồng (kỷ phần của ông H được hưởng) + 103.968.850 đồng (50% kỷ phần của bà N1 cho ông H) + 9.451.713 đồng (50% kỷ phần còn lại của bà N1 chia đều cho 11 người) = 321.358.263 đồng. Những người còn lại (10 người) mỗi người được 207.937.700 đồng (kỷ phần của mỗi người được hưởng) + 9.451.713 đồng (50% kỷ phần còn lại của bà N1 chia đều cho 11 người) = 217.389.413 đồng.

2.2.3 Số tiền lãi phát sinh từ sau ngày 25/12/2018, các đương sự thống nhất giao cho ông Võ Thành P nhận và chia đều cho các anh, chị, em sau khi trả lại cho ông H 6.400.000 đồng (chi phí ủy thác tư pháp ông H đã tạm ứng).

2.3 Các đương sự được quyền liên hệ đến Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P để làm thủ tục nhận tiền. Đề nghị cơ quan có liên quan đến tiền bồi hoàn của đương sự làm thủ tục chi trả cho các đương sự theo quy định.

2.4 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông H phải chịu 8.034.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000370 ngày 01/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Ông H phải nộp thêm 3.334.000 đồng.

- Phần bà L1 được miễn do người cao tuổi. Riêng bà N và ông P cùng phải chịu trên phần di sản được hưởng là 3.623.000 đồng.

- Bà Võ Thị Kim L2 và bà Võ Thị Kim L3 cùng phải chịu 5.435.000 đồng.

- Bà Võ Thị N3 được miễn do là người cao tuổi. Được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.700.000 đồng theo biên lai thu số 001457 ngày 26/02/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Bà Võ Thị C phải chịu 5.435.000 đồng, nhưng được vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.700.000 đồng theo biên lai thu số 001459 ngày 26/02/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà C phải nộp thêm 735.000 đồng

- Ông Võ Đức T phải chịu 5.435.000 đồng, nhưng được vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.700.000 đồng theo biên lai thu số 001458 ngày 26/02/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Ông T phải nộp thêm 735.000 đồng.

- Ông Võ Văn V phải chịu 5.435.000 đồng.
- Ông Võ Thanh H1 phải chịu 5.435.000 đồng.
- Ông Võ Thành P phải chịu 5.435.000 đồng.
- Ông Võ Hoàng L4 phải chịu 5.435.000 đồng.
- Ông Võ Ngọc A phải chịu 5.435.000 đồng.

2.5 Chi phí ủy thác tư pháp: tổng số tiền 6.400.000 đồng (ông Võ Minh H đã tạm ứng). Các đương sự thống nhất số tiền lãi phát sinh sau ngày 25/12/2018 giao cho ông Võ Thành P nhận sẽ giao trả cho ông Võ Minh H số tiền này). Vì vậy, ông H đã tạm ứng xem như ông H đóng thay, trừ vào các biên lai thu số: 0003851, 0003600, 000276, 000275 ngày 21/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Ông H đã thực hiện xong chi phí này.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Thị Phương Thanh